|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: /TTr-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

 **(DỰ THẢO)**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện**

 **mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030**

Kính gửi: Quốc hội khóa XV

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, ban hành Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

Xóa đói giảm nghèo là mục tiêu xuyên suốt, quan trọng hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình xây dựng đất nước. Quan điểm, chủ trương của Đảng về xóa đói giảm nghèo đã được thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đảng qua nhiều thời kỳ, ngày càng sâu rộng, toàn diện hơn. Đảng đã đặt chính sách xã hội trong tương quan với chính sách phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững trong tổng thể mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Trong giai đoạn vừa qua, để triển khai các quan điểm, chủ trương của Đảng, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Chính phủ đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, ban hành Chương trình hành động, thành lập Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp giảm nghèo và báo cáo Quốc hội về kết quả tổng kết Nghị quyết số 76/2014/QH13 (Báo cáo số 472/BC-CP ngày 06 tháng 10 năm 2020).

Theo đó, giai đoạn 2016-2020, các kết quả giảm nghèo đạt và vượt mục tiêu, chỉ tiêu Quốc hội, Chính phủ giao. Tỷ lệ hộ nghèo là 9,88% năm 2015 (năm đầu kỳ) giảm xuống còn 2,75% năm 2020 (năm cuối kỳ), trong 5 năm giảm bình quân 1,43%/năm, đạt chỉ tiêu Quốc hội giao (giảm bình quân 1-1,5%/năm); tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân 4%/năm; tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5,65%/năm, vượt chỉ tiêu Quốc hội giao (giảm bình quân 4%/năm).

Chính phủ đã chỉ đạo ban hành đồng bộ hệ thống chính sách giảm nghèo hỗ trợ toàn diện cho người nghèo và các chính sách giảm nghèo đặc thù, ưu tiên đối với các đối tượng yếu thế, vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn; từng bước giảm dần và bãi bỏ những chính sách hỗ trợ cho không, tăng chính sách hỗ trợ có điều kiện.

Việt Nam đã 08 lần ban hành chuẩn nghèo quốc gia theo mô hình tháp giảm nghèo, đáp ứng nhu cầu người nghèo từ thấp lên cao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước từng thời kỳ. Việt Nam là một trong 30 quốc gia đầu tiên trên thế giới và là quốc gia đầu tiên của Châu Á áp dụng chuẩn nghèo đa chiều.

Quốc hội, Chính phủ rất quan tâm, bố trí nguồn lực từ ngân sách Nhà nước và huy động nguồn lực toàn xã hội để thực hiện Chương trình giảm nghèo; tổng nguồn lực đã được bố trí, huy động để thực hiện Chương trình khoảng 120 nghìn tỷ đồng; trong đó, nguồn vốn Trung ương (chiếm khoảng 35%), vốn huy động xã hội hóa hỗ trợ an sinh xã hội và giảm nghèo của các địa phương (chiếm khoảng 41%), vốn ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” và các hoạt động an sinh xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (chiếm khoảng 24%).

Cả hệ thống chính trị từ Trung ương tới địa phương đã vào cuộc, phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện; huy động sự hưởng ứng tích cực của cả xã hội. Nhận thức của người nghèo dần thay đổi, cơ bản không còn ỷ lại, có nhiều tấm gương, điển hình thoát nghèo, tình nguyện xin ra khỏi danh sách hộ nghèo.

Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao, chênh lệch giàu - nghèo còn lớn; khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng, miền còn khá lớn; gia tăng bất bình đẳng về thu nhập và mức sống; một số cơ chế, chính sách, chương trình giảm nghèo chưa hiệu quả, chưa phù hợp với đặc thù vùng, miền. Công tác rà soát, tích hợp văn bản chính sách giảm nghèo, chuyển đổi phương thức hỗ trợ từ “cho không” sang hỗ trợ có điều kiện còn chậm. Việc phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp cho các huyện nghèo chưa được chú trọng, chưa kết nối sản xuất với thị trường; hiệu quả giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở cho người nghèo còn thấp; tiến độ giao rừng, cho thuê rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp chậm. Chưa có chính sách đặc thù đối với hộ nghèo không có khả năng lao động.

Việc giảm nghèo tại vùng “lõi nghèo” có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa lý hiểm trở, chia cắt, vùng đồng bào dân tộc ít người còn rất cam go. Tình trạng nghèo “thâm căn cố đế”, nghèo từ “tư tưởng” còn là hiện tượng phổ biến do phong tục, tập quán, mặt bằng dân trí, trình độ sản xuất hạn chế; điều kiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông của miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo còn rất khó khăn, đòi hỏi phải có nguồn lực lớn để đầu tư trong khi khả năng ngân sách còn hạn chế.

Trong thời gian tới, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đặt ra mục tiêu: “*Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 1 – 1,5% hằng năm*”và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đề ra nhiệm vụ:*“Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều,bao trùm, bền vững, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đổi mới thực chất cách tiếp cận trong giảm nghèo bằng các chính sách hỗ trợ có điều kiện, giảm hỗ trợ cho không, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên tự thoát nghèo”.* Điều này đặt ra yêu cầu phải đổi mới tư duy, phương thức, chính sách giảm nghèo phù hợp với mô hình tăng trưởng kinh tế, thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm người nghèo được tham gia và thụ hưởng các thành quả của tăng trưởng trong điều kiện mới.

Mặt khác, theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022-2025, ước tính tại thời điểm tháng 01/2022, cả nước có khoảng 16,6% hộ dân cư có thu nhập dưới chuẩn nghèo thu nhập, tương ứng với khoảng 4,473 triệu hộ, tương ứng với khoảng 17,447 triệu người; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo là 10,83% (bao gồm 2% hộ nghèo không có khả năng lao động), tỷ lệ hộ cận nghèo là 5,77%. Do vậy, việc giải quyết vấn đề giảm nghèo đòi hỏi sự nỗ lực, vào cuộc mạnh mẽ, toàn diện của cả hệ thống chính trị.

Dự báo tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) tiếp tục duy trì ở mức cao bình quân khoảng 7%/năm; đến năm 2025, GDP bình quân đầu người đạt 4.700-5.000 USD; đến năm 2030, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD, Việt Nam là nước có thu nhập trung bình cao. Điều này dẫn đến xu hướng thay đổi nhu cầu của người nghèo, chuyển từ đáp ứng các nhu cầu tối thiểu bảo đảm tồn tại sang đáp ứng các nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống. Mức sống tối thiểu của người dân tăng lên theo sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nên chuẩn nghèo thay đổi, làm tăng tỷ lệ hộ nghèo đầu kỳ.

Phát triển bền vững cũng là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế trong việc thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, trong đó có các mục tiêu là “*Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người; giảm bất bình đẳng trong xã hội”.* Điều này đặt ra yêu cầu cơ chế chính sách giảm nghèo cần được đổi mới theo hướng hỗ trợ có điều kiện, giảm bớt cho không; tạo việc làm có thu nhập để ổn định cuộc sống, khuyến khích người nghèo chủ động thoát nghèo, vươn lên khá giả.

Do vậy, trong bối cảnh mới của đất nước, để thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo, theo kiến nghị của Ủy ban về các vấn đề xã hội (Báo cáo thẩm tra số 3045/BC-UBVĐXH14 ngày 16 tháng 10 năm 2020), việc xây dựng, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030 là hết sức cần thiết, cấp bách. Đây là cơ sở pháp lý để Chính phủ tổ chức thực hiện, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được xác định trong các Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Nghị quyết của Quốc hội và cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về giảm nghèo, phát triển bền vững.

**II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

1. Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 về giảm nghèo.

2. Thực hiện Điều 34 Hiến pháp 2013 về quyền được bảo đảm an sinh xã hội của công dân.

3. Xác định đầu tư cho công tác giảm nghèo là đầu tư cho phát triển nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

4. Công tác giảm nghèo thực hiện các mục tiêu chính: (i) Giảm nghèo đa chiều nhằm hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; (ii) Giảm nghèo bao trùm nhằm hỗ trợ tất cả người nghèo được tham gia và thụ hưởng thành quả của tăng trưởng kinh tế, không để ai bị bỏ lại phía sau; (iii) Giảm nghèo bền vững nhằm hỗ trợ người nghèo xây dựng cuộc sống ấm no, khá giả, không tái nghèo.

5. Đổi mới cơ chế, chính sách giảm nghèo, khơi dậy khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no của người dân và phát huy sức mạnh toàn diện của cả hệ thống chính trị trong công cuộc giảm nghèo trong điều kiện mới.

6. Thực hiện cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo đến năm 2030.

**III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO**

1. Để chuẩn bị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030, Chính phủ đã thực hiện các công việc sau:

- Sơ kết Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020;

- Tổng kết Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

- Tổng kết Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc tổng kết công tác giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 đến điểm cầu 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp huyện;

- Báo cáo Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Quốc hội về kết quả tổng kết Nghị quyết số 76/2014/HQ13 (Báo cáo số 472/BC-CP ngày 06 tháng 10 năm 2020).

2. Thành lập Ban soạn thảo Nghị quyết do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội làm Trưởng ban, thành viên Ban soạn thảo gồm đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan như: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền Thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và đại diện lãnh đạo Vụ các vấn đề xã hội, Văn phòng Quốc hội.

3. Dự thảo Tờ trình Quốc hội và Nghị quyết; gửi lấy ý kiến tham gia góp ý bằng văn bản của các Bộ, ngành liên quan và địa phương theo quy định.

4. Đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhân dân.

5. Tổ chức các hội thảo, họp kỹ thuật lấy ý kiến trực tiếp các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức quốc tế, chuyên gia tư vấn để tham gia góp ý, bổ sung hoàn thiện dự thảo.

6. Tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo.

7. Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ Nghị quyết theo quy định.

8. Chính phủ hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, trình Quốc hội xem xét, ban hành.

**IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN**

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Đánh giá thành tựu, hạn chế trong công tác giảm nghèo giai đoạn vừa qua.

- Điều 2. Quy định về các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo.

- Điều 3. Quy định về tổ chức thực hiện: (i) Trách nhiệm của Chính phủ; (ii) Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp; (iii) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; (iv) Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; (v) Trách nhiệm của các cơ quan của Quốc hội.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030:

- Đạt mục tiêu giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 1 - 1,5% hằng năm[[1]](#footnote-1), hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo. Đến năm 2025, phấn đấu giảm bình quân 1,5 triệu người nghèo/năm[[2]](#footnote-2), tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân trên 3%/năm[[3]](#footnote-3); 50% huyện nghèo, 50% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng khó khăn. Đến năm 2030, phấn đấu cơ bản các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng khó khăn, xây dựng tiêu chí nông thôn mới.

- Hoàn thiện phương pháp đo lường nghèo đa chiều có tính đến đặc thù vùng, miền, dễ đo lường, người dân tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình; áp dụng chuẩn nghèo đa chiều quốc gia bảo đảm mức sống tối thiểu và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

- Tiếp tục xây dựng và ưu tiên nguồn lực, thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Thực hiện đồng bộ, lồng ghép nguồn lực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho công tác giảm nghèo.

- Đổi mới chính sách giảm nghèo, tập trung phát triển chính sách hỗ trợ có điều kiện, từng bước xóa bỏ chính sách hỗ trợ cho không; hỗ trợ người nghèo nâng cao năng lực sản xuất, có việc làm, thu nhập tốt, vượt lên mức sống tối thiểu và giải quyết hiệu quả các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; xây dựng chính sách trợ giúp xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động; nghiên cứu, xây dựng chính sách bảo đảm an sinh xã hội tối thiểu, chú trọng chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và chuyển đổi số trong lĩnh vực giảm nghèo. Thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tạo sinh kế, việc làm bền vững cho người nghèo.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với người nghèo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động, nhất là lao động thuộc hộ nghèo. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động. Tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin dự báo thị trường lao động và chất lượng dịch vụ việc làm. Tạo việc làm đầy đủ, việc làm tốt cho tất cả mọi người.

- Đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, thực hiện bao phủ chăm sóc sức khoẻ toàn dân, tăng cơ hội tiếp cận cho người nghèo; thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, phấn đấu tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số, đa dạng mức đóng và mức hưởng.

- Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, xóa bỏ các điểm trường; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học bắt buộc; giảm tỉ lệ mù chữ ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; phát triển hài hoà giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách.

- Xây dựng chương trình, cơ chế giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người nghèo, bảo đảm chất lượng nhà ở và diện tích nhà ở bình quân đầu người theo quy định; bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nhà ở xã hội; bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cơ chế xã hội hóa thực hiện Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường. Bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt là người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi theo hướng mở rộng đối tượng, hình thức cho vay, nâng mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; gắn các hoạt động cho vay với các dự án sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội kết nối vùng khó khăn với vùng phát triển, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ở địa bàn khó khăn, giảm nghèo gắn với quốc phòng - an ninh. Giải quyết cơ bản đất ở, đất sản xuất, giao rừng, cho thuê rừng và quyền sử dụng đất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tiếp tục giải quyết tình trạng di dân không theo quy hoạch; xem xét cân đối, điều chỉnh đất của các nông, lâm trường sử dụng không hiệu quả để giao cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu đất sản xuất.

- Kiện toàn hệ thống, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước lĩnh vực giảm nghèo theo hướng tập trung, thống nhất. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan điều phối về giảm nghèo các cấp, sắp xếp lại tổ chức bộ máy hiện có; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

b) Tổ chức thực hiện:

- Chính phủ xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách; phân bổ nguồn lực, chỉ đạo triển khai thực hiện và sơ kết,tổng kết đánh giá việc thực hiện chính sách giảm nghèo. Tiến hành sơ kết, báo cáo Quốc hội năm 2025; tổng kết, báo cáo Quốc hội năm 2030.

- Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng và ban hành chính sách, phân bổ nguồn lực và giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương.

- Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, xây dựng giải pháp, mô hình phù hợp với địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; phát huy dân chủ, công khai, minh bạch; nâng cao năng lực của chính quyền cơ sở và cán bộ trực tiếp làm công tác giảm nghèo.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tiếp tục phát huy vai trò giám sát, làm nòng cốt vận động sự tham gia của tổ chức trong và ngoài nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, cá nhân trong việc thực hiện công tác giảm nghèo.

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)**

Trên đây là Tờ trình Quốc hội về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững đến năm 2030. Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Chủ tịch Quốc hội;- Các Phó Chủ tịch Quốc hội; - Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- HĐDT và các Uỷ ban của Quốc hội;- Tổng Thư ký Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ LĐTBXH;- Lưu:VT, QHĐP. | **TM. CHÍNH PHỦ****TUQ. THỦ TƯỚNG****BỘ TRƯỞNG****BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH** **VÀ XÃ HỘI****Đào Ngọc Dung** |

1. Nghị quyết Đại hội XIII. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo 1-1,5%/năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. [↑](#footnote-ref-3)